

HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI LẦN THỨ XI CỦA ĐẢNG

VỀ THÀNH TỐ "VĂN MINH" TRONG MỤC TIÊU CHUNG CỦA TOÀN DÂN TỘC

LÊ HỮU TĂNG (*)

Phân tích quan điểm của Đảng về mục tiêu cuối cùng của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta - "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", khi đặt thành tố "văn minh" trong mục tiêu chung của toàn dân tộc, trong bài viết này, tác giả đã đưa ra và luận giải tiến trình hình thành và phát triển của khái niệm "văn minh" trong lịch sử tư tưởng nhân loại, cũng như những quan niệm khác nhau về khái niệm này. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra và luận giải quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tự do, dân chủ, về các quyền tự do, dân chủ của nhân dân Việt Nam. Từ những luận giải đó, tác giả kiến nghị: nếu chúng ta vẫn giữ "văn minh" như một thành tố trong mục tiêu chung, thì Đảng và Nhà nước nên có một văn bản chính thức xác định rõ nội hàm của nó; hoặc thay thế nó bằng thành tố "tự do" cho phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh và với mục tiêu mà Người cùng toàn Đảng, toàn dân tộc ta luôn kiên trì đấu tranh để thực hiện.

Cách đây gần nửa thế kỷ, ngày 01/12/1961, tại Đại hội đảng bộ Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói:

"Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì?

Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là: không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động(1).

Hơn 30 năm sau, vào tháng 1/1994, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng đã cụ thể hóa thêm quan điểm ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi khẳng định: "Có ý kiến cho rằng hình thức sở hữu là phương tiện, không nên coi là mục tiêu. Chỉ có tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân mới là mục tiêu. Cần có nhận thức đầy đủ hơn và thống nhất hơn về vấn đề này.

Đúng là phát triển kinh tế - xã hội,

nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh mới là **mục đích cuối cùng**"(2) (chúng tôi nhấn mạnh - L.H.T.) của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đây là lần đầu tiên Đảng ta xác định một cách cụ thể, rõ ràng **mục đích cuối cùng** của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó "dân giàu", "nước mạnh", "công bằng", "văn minh" đều được coi là các thành tố của **mục đích cuối cùng** mà dứt khoát chúng ta phải đạt tới khi hoàn thành sự nghiệp xây dựng chủ

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.10. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.271.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Hà Nội, 1-1994, tr.79.

nghĩa xã hội ấy(3).

Nhưng “*văn minh*” là gì?

“*Văn minh*” là khái niệm được nhà dân tộc học Mỹ - Lewis H. Morgan (1818 - 1881) dùng để chỉ một trình độ phát triển của xã hội loài người với một phương thức sống đối lập với tình trạng dã man. Theo sự trình bày lại một cách rất khái quát của Ph.Ăngghen trong tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*” thì trong cuốn “*Xã hội cổ đại....*” của Morgan được xuất bản năm 1877, Morgan đã phân chia xã hội cổ đại ra thành các thời đại sau: “*Thời đại mông muội* - thời đại trong đó việc chiếm hữu những sản vật tự nhiên sẵn có chiếm ưu thế; những sản phẩm do con người tạo ra thì chủ yếu đều là những công cụ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chiếm hữu kia. *Thời đại dã man* - thời đại trong đó con người học được cách chăn nuôi súc vật và làm ruộng, học được những phương pháp thông qua hoạt động của con người để tăng việc sản xuất các sản vật tự nhiên. *Thời đại văn minh* - thời đại trong đó con người học được cách tinh chế thêm những sản vật tự nhiên, thời đại của công nghiệp - hiểu theo nghĩa đích thực của từ này - và của nghệ thuật”(4).

Ph.Ăngghen đánh giá rất cao cuốn “*Xã hội cổ đại*” này của Morgan, coi đó là “một trong số ít trước tác trong thời chúng ta tạo ra cả một thời đại”(5). Đáng chú ý là, theo Ph.Ăngghen, “ở châu Mỹ, Morgan đã phát hiện lại, theo cách của ông, quan điểm duy vật lịch sử mà Mác đã phát hiện ra cách đây bốn mươi năm, và tuân theo quan điểm đó khi so sánh thời đại dã man với thời đại văn minh thì trên những điểm chủ yếu ông cũng đã đi đến những kết quả giống như Mác”(6).

Không những thế, Ph.Ăngghen còn viết: “Morgan lại còn đi xa quá mức, bằng cách không những chỉ phê phán *nền văn minh - tức là xã hội của nền sản xuất hàng hóa* (chúng tôi nhấn mạnh - L.H.T.), hình thức cơ bản của xã hội hiện nay của chúng ta - một cách làm cho người ta nhớ tới Furiê, mà lại còn nói đến một sự cải tạo sau này đối với xã hội đó, với những lời lẽ giống như là của Các Mác”(7). Trong “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*”, ở chương IX, với tiêu đề “*Thời đại dã man và thời đại văn minh*”, Ph.Ăngghen đã nói cụ thể hơn như sau: “*Thời đại văn minh là giai đoạn phát triển của xã hội trong đó sự phân công, sự trao đổi - do phân công lao động đẻ ra - giữa những cá nhân, và nền sản xuất hàng hóa liên kết cả hai quá trình đó, đều đạt tới mức toàn thịnh của chúng* (chúng tôi nhấn mạnh - L.H.T.) và tạo ra một cuộc đảo lộn trong toàn bộ xã hội trước đây”(8).

Từ những nhận định trên đây của Ph.Ăngghen, có thể thấy, Ph.Ăngghen không chỉ tán thành quan niệm về “*văn minh*” của Morgan, mà còn coi biểu hiện cụ thể của nền văn minh đương thời - thế

(3) Sau này, vào năm 2001, Đại hội IX bổ sung thêm thành tố “*dân chủ*” nữa và coi “*Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*” là **mục tiêu chung** của toàn dân tộc (Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 85 - 86).

(4) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.21. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.53-54.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.21, tr.45.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.21, tr.43.

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Tuyển tập* (gồm 6 tập), t.6. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, tr.45.

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.21. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.258.

kỷ XVIII - chính là xã hội của nền sản xuất hàng hóa.

Cũng trong thế kỷ XVIII, khái niệm "văn minh" được dùng với tính cách là một thuật ngữ độc lập, có mối liên hệ chặt chẽ với khái niệm *văn hóa*. Các nhà triết học Khai sáng Pháp gọi *xã hội văn minh* là xã hội được xây dựng trên các nguyên tắc của *lý tính* và *công bằng*(9) (Vônte và các tác giả khác).

Theo cách phiên âm và theo truyền thống Anh - Pháp thì nghĩa của các thuật ngữ *văn hóa* và *văn minh* là trùng nhau, nhưng ở Đức lại khác. Ở Đức, *văn hóa* là lĩnh vực các giá trị tinh thần, còn *văn minh* bao gồm lĩnh vực các giá trị vật chất(10). Nhà văn hóa học Hữu Ngọc cũng nhấn mạnh rằng: "*Văn hóa* bao gồm hệ thống những giá trị để đánh giá một sự việc, một hiện tượng (đẹp hay xấu, đạo đức hay vô luân, phải hay trái...) theo cộng đồng ấy. Còn *văn minh* thì chỉ toàn bộ những phương tiện vật chất và kỹ thuật phục vụ cho những mục đích lợi ích của đời sống con người trong quan hệ của nó với môi trường"(11). Theo S.Hungtington - tác giả cuốn sách "*Sự va chạm của các nền văn minh*" - thì các tư tưởng gia người Đức đã vạch một ranh giới rõ nét giữa *văn minh* (là cái gì thuộc về công nghiệp, công nghệ, cả các yếu tố vật chất) và *văn hóa* (là cái gì liên quan đến giá trị, lý tưởng và các phẩm chất trí tuệ, nghệ thuật và đạo đức cao siêu của xã hội). "Quan niệm này không được ở đâu chấp nhận"(12). Trong tài liệu mácxít trước đây thì khái niệm *văn minh* cũng được dùng để chỉ nền văn hóa vật chất. Tuy nhiên, những cố gắng không mệt mỏi nhằm hạn chế nội dung và ý nghĩa của khái niệm *văn minh* chỉ trong lĩnh vực

các giá trị vật chất, những phát kiến mới trong lĩnh vực kỹ thuật và những thành tựu trong lĩnh vực tạo ra những tiện nghi mới cho cuộc sống của con người đang vấp phải sự phản đối có lý. Những người phản bác lưu ý rằng, trong số các phát minh vĩ đại góp phần tạo nên văn minh có những hiện tượng, như tổ chức nhà nước, thị trường, tiền tệ, luật pháp, nền dân chủ, máy in, các phương tiện thông tin hiện đại, v.v.. Rõ ràng là, khoa học và kỹ thuật hiện đại đang đưa lại và tiếp tục đảm bảo sự tiến bộ vật chất của xã hội, nhưng không nên vì thế mà coi nội dung của văn minh chỉ bao gồm lĩnh vực các giá trị vật chất(13).

Ngược lại với khuynh hướng tách bạch văn minh với văn hóa trên đây, lại còn có khuynh hướng gắn văn minh với văn hóa, thậm chí đồng nhất chúng với nhau. Theo S.Hungtington, ở ngoài nước Đức, nhiều người đồng ý với nhận định của Braudel rằng, "muốn tách biệt *văn hóa* ra khỏi nền móng của nó là *văn minh* theo cách người Đức thì thật là ngớ ngẩn"(14).

Đối với Braudel, một nền văn minh là "một không gian, một vùng văn hóa", "một tập hợp các hiện tượng và đặc điểm văn hóa". Wallerstein định nghĩa văn minh là một "tổng thể nhất định nào đó

(9) Xem: *Từ điển bách khoa về triết học* (tiếng Nga). Nxb Bách khoa thư Xô viết, Mátxcova, 1983, tr.765 - 766.

(10) Xem: *Bách khoa thư triết học mới* (gồm 4 tập), t.4 (tiếng Nga). Nxb Tư tưởng, Mátxcova, 2001, tr.332.

(11) Hữu Ngọc. *Lãng du trong văn hóa Việt Nam*. Nxb Thanh niên, Tp. HCM, 2008, tr.672.

(12) Xem: S.Hungtington. *Sự va chạm của các nền văn minh*. Nxb Lao động, Hà Nội, 2003, tr.33-34.

(13) Xem: *Bách khoa thư triết học mới* (gồm 4 tập). *Sđđ.*, t. 4, tr.334.

(14) Xem: S.Hungtington. *Sđđ.*, tr.34.

gồm nhân quan thế giới, phong tục, cấu trúc và văn hóa (cả văn hóa vật chất và phi vật chất) mà hình thành nên một tổng thể lịch sử nào đó và cùng tồn tại (nếu không phải là luôn song song) với các biến thể khác của hiện tượng này". Còn theo Dawson, văn minh là sản phẩm của "một quá trình có cội nguồn nào đó có tính sáng tạo văn hóa", trong khi đó Durkheim và Mauss cho văn minh là "một không gian đạo đức bao bọc một số dân tộc". Với Spengler, văn minh là "số mệnh tất yếu của văn hóa... Văn hóa là chủ đề chung có trong mọi định nghĩa về văn minh"(15). Trong công trình *"Lịch sử văn minh thế giới"* của tập thể tác giả do Vũ Dương Ninh chủ biên, (Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008), các tác giả cũng định nghĩa: "Văn minh là trạng thái tiến bộ về cả hai mặt vật chất và tinh thần của xã hội loài người, tức là trạng thái phát triển của nền văn hóa... Văn hóa là toàn bộ những giá trị mà loài người sáng tạo ra từ khi loài người ra đời cho đến nay, còn văn minh chỉ là những giá trị mà loài người sáng tạo ra trong giai đoạn phát triển cao của xã hội. Vậy thì giai đoạn phát triển cao đó là giai đoạn nào? Đó là giai đoạn có Nhà nước"(16).

Hai cách giải thích trên đây (hoặc tách biệt văn minh với văn hóa, hoặc đồng nhất văn minh với văn hóa) được dùng khá rộng rãi trong triết học, xã hội học hiện đại và được phản ánh trong sự đa nghĩa về văn hóa và văn minh trong các *Từ điển* và các bộ *Bách khoa thư*. Tình trạng đa nghĩa đó trầm trọng đến mức bộ *"Bách khoa thư triết học mới"* gồm 4 tập do Viện Triết học thuộc Viện Hàn lâm khoa học Cộng hòa liên bang Nga chủ trì biên soạn, Nhà xuất bản "Tư tưởng" xuất

bản tại Mátxcova trong các năm 2000 - 2001 đã buộc phải nhận xét rằng: "Tình trạng đa nghĩa trên đây khi dùng thuật ngữ **văn minh** đã tạo nên ấn tượng rằng **thuật ngữ này thiếu chặt chẽ**"(17) (chúng tôi nhấn mạnh - L.H.T.).

Sự thực, không phải chỉ khái niệm *văn minh* mới đa nghĩa, mà khái niệm *văn hóa* còn đa nghĩa hơn. Theo nhà văn hóa học Hữu Ngọc, "có hàng trăm định nghĩa khác nhau về *Văn minh* (civilisation) và *Văn hóa* (culture)" và một Giáo sư đại học Ấn Độ cho biết trên thế giới có tới 160 định nghĩa từ văn hóa(18). Theo công trình *"Phương pháp luận và vai trò của văn hóa trong phát triển"* do các Giáo sư Vũ Khiêu, Phạm Xuân Nam, Hoàng Trinh đồng chủ biên, (Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993), thì năm 1967, nhà văn hóa học Pháp - Abraham Moles cho biết đã có 250 định nghĩa về văn hóa. Năm 1992, nhà văn hóa học Phan Ngọc thông báo: Theo một nhà dân tộc học Mỹ, "đã có ngót 400 định nghĩa khác nhau về cái từ văn hóa"(19).

Tuy có quá nhiều định nghĩa về văn hóa, nhưng vào tháng 11 năm 2001, Đại hội đồng UNESCO lần thứ 31 đã thông qua được *"Tuyên bố toàn cầu về văn hóa"*, trong đó có đưa ra được một định nghĩa về văn hóa đáng chú ý: "Văn hóa nên được xem (chúng tôi nhấn mạnh - L.H.T.)

(15) Xem: S.Hungtington. *Sđđ.*, tr.34.

(16) Vũ Dương Ninh (chủ biên). *Lịch sử văn minh thế giới*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008 (tái bản lần thứ 10), tr. 7-8.

(17) *Bách khoa thư triết học mới* (gồm 4 tập). *Sđđ.*, t.4, tr.332.

(18) Xem: Hữu Ngọc. *Sđđ.*, tr.671, 669.

(19) Xem: Vũ Khiêu, Phạm Xuân Nam, Hoàng Trinh (đồng chủ biên). *Phương pháp luận và vai trò của văn hóa trong phát triển*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 237.

là một tập hợp (the set) các đặc điểm nổi bật về tinh thần, vật chất, tri thức và tình cảm của xã hội hay một nhóm xã hội, và ngoài văn học, nghệ thuật, nó còn bao gồm lối sống, cách thức cùng chung sống, các hệ thống giá trị, các truyền thống và tín ngưỡng"(20). Còn về văn minh thì bản thân *S.Hungtington* ở gần cuối cuốn sách "*Sự va chạm của các nền văn minh*" đã viết một cách dè dặt: "Văn minh có thể là (người trích nhấn mạnh) một sự hòa trộn phức tạp các mức cao của đạo đức, tôn giáo, học vấn, nghệ thuật, triết học, công nghệ, phần thịnh, và có thể còn nhiều tố chất khác"(21).

Những điều vừa trình bày ở trên cho thấy cả khái niệm *văn minh* lẫn khái niệm *văn hóa* đều là những khái niệm đa nghĩa, mặc dầu mức độ có khác nhau. Vì vậy, dù *đồng nhất* văn minh với văn hóa hay *phân biệt* văn minh với văn hóa thì trên thực tế, *nghĩa của khái niệm văn minh vẫn không rõ ràng*.

Tuy bất đồng trong các định nghĩa về *văn minh*, nhưng theo *S.Hungtington*, các học giả nói chung đồng ý với nhau trong cách xác định các nền văn minh lớn trong lịch sử đã từng tồn tại trên thế giới. Tuy nhiên, họ lại bất đồng về tổng số nền văn minh đã tồn tại trong lịch sử. *Quigley* khẳng định có 16 trường hợp và có thể có 8 trường hợp bổ sung. *Toynbee* cho con số 21 rồi 23. *Spengler* cho con số 8 nền văn minh lớn. *McNeill* đưa ra con số 9 nền văn minh trong toàn bộ lịch sử. *Bagby* cũng cho cùng con số đó hoặc 11, nếu Nhật Bản được tính tách biệt khỏi văn minh Trung Hoa và Chính thống giáo được tính tách khỏi châu Âu. *Braudel* có số 9, còn theo *Rostovanyi* thì có 7 nền văn minh đương thời. Sau khi phục hồi thư

tịch có liên quan, *Melko* kết luận là "có sự nhất trí tương đối" cho ít nhất 12 nền văn minh lớn, 7 trong số đó không còn tồn tại (Lưỡng Hà, Ai Cập, Cretan, Cổ Đại, Byzantin, Trung Mỹ, Andes thuộc Nam Mỹ) và 5 nền văn minh vẫn tồn tại (Trung Hoa, Nhật, Ấn Độ, Hồi giáo và Phương Tây). Cùng với 5 nền văn minh này cần bổ sung các nền văn minh đương đại là Chính thống giáo Mỹ La tinh và có thể là châu Phi(22).

Ngoài ra, cũng có cách phân loại khác các nền văn minh. Căn cứ vào trình độ, giai đoạn phát triển và những đặc điểm phát triển của mỗi vùng, miền, thời kỳ, v.v. người ta phân ra, chẳng hạn, nền văn minh nông nghiệp, nền văn minh công nghiệp, nền văn minh hậu công nghiệp, rồi nền văn minh cổ đại, nền văn minh trung thế kỷ, nền văn minh phương Đông, nền văn minh phương Tây, hoặc như ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu cũng nhắc đến không ít lần những nền văn minh được cho là đã tồn tại ở nước ta, như nền văn minh Đại Việt, nền văn minh lúa nước, nền văn minh sông Hồng, nền văn minh Sa Huỳnh, v.v..

Các cách phân loại trên đây được tiến hành trong khi ở trên thế giới, nội hàm của khái niệm văn minh vẫn chưa được rõ ràng, còn ở Việt Nam thì có lẽ lại càng chưa được rõ ràng hơn. Tác giả Hữu Ngọc có kể lại trong mục *Thắc mắc về "Văn minh"* được viết năm 1997 và được in trong cuốn "*Lãng du trong văn hóa Việt Nam*", được xuất bản năm 2008:

Một hôm, chị bạn Diane, nhà báo và

(20) Theo bản dịch của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam.

(21) Xem: *S.Hungtington. Sđd.*, tr.477.

(22) Xem: *S.Hungtington. Sđd.*, tr.39-40.

nhà dịch thuật Mỹ, hốt hải đến tìm tôi ở văn phòng, nét mặt băn khoăn. Chị bảo: “Trên báo chí Việt Nam và ở các bản tuyên bố chính thức, tôi luôn luôn thấy khẩu hiệu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. Cứ mỗi lần phải hạ bút dịch từ “văn minh là civilized”, tôi lại tự hỏi: Tại sao các bạn luôn luôn nói là dân tộc mình có ba bốn nghìn năm “văn hiến, văn minh” mà bây giờ mới bắt đầu xây dựng một xã hội văn minh? Tôi cho là có lẽ các bạn dùng từ “văn minh” với một nghĩa đặc biệt cho một thời kỳ lịch sử. Vậy nội dung khái niệm ấy là gì?

Tôi rất cảm kích khi nghe tâm sự của Diane, một người bạn thân thiết đã ủng hộ Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống xâm lược.

Chị Diane suy nghĩ mông lung về từ “văn minh” và đi hỏi các bạn Việt Nam. Các bạn Việt trả lời mỗi người một cách như sau:

- Xã hội văn minh có nghĩa là khi ăn trâu, không nhổ nước bọt đỏ lòm ra phố.

- Ứng xử văn minh ư? Thí dụ, ra ngoài đường đi xe đạp, xe máy, đi bộ, v.v. theo đúng luật lệ giao thông.

- Văn minh còn có nghĩa là hành động theo lẽ phải, làm đúng không phải chỉ vì luật pháp hay có ai đó bắt buộc mình phải làm.

- Văn minh có nghĩa là cố gắng làm cái gì tốt, đẹp, thật.

- Văn minh nghĩa là phải hiện đại như ở Âu, Mỹ hay ở các nước châu Á phát triển khác.

- Văn minh có nghĩa là không đánh vợ; không đẻ ra một đàn con để chúng nhếch nhác; không dùng ma túy,...

- “Xây dựng một xã hội văn minh” chủ yếu là nhằm chống lại “sinh hoạt nông

thôn lạc hậu”.

- Văn minh không có nghĩa là học vấn kiểu hàn lâm, mà là các mối quan hệ nhân sự, ứng xử. Một người có thể hiểu biết về khoa học uyên bác mà vẫn thiếu văn minh.

- Văn minh là không ích kỷ, nghĩ đến tập thể.

- Có vị giáo sư đại học trình bày: “Có nhiều nền văn minh. Việt Nam có nền văn minh lúa nước đã mang lại những giá trị văn hóa nhân văn, đạo đức, lễ độ, là sức mạnh của dân tộc Việt Nam, cần bảo vệ chống lại những yếu tố dã man của hiện đại”

v.v..(23).

Chắc những câu trả lời tương tự những câu được tác giả *Hữu Ngọc* kể lại trên đây cũng còn không ít kể từ năm 1994 - năm mà khẩu hiệu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” được coi là **mục tiêu cuối cùng** của chúng ta và lần đầu tiên được chính thức ghi vào *một trong những văn kiện* rất quan trọng của Đảng - Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII. Mặc dầu vậy, cho đến nay, kể từ năm 1994, vẫn chưa có một văn kiện nào của Đảng giải thích rõ thuật ngữ “*văn minh*” trong *mục tiêu cuối cùng* kể trên được dùng theo nghĩa nào?

Trong tình hình không chỉ ở Việt Nam, mà cả ở nhiều nơi trên thế giới, thậm chí ngay trong giới học giả, nội hàm của khái niệm “*văn minh*” vẫn chưa rõ ràng thì để cho thành tố “*văn minh*” trong “*mục tiêu cuối cùng*” có thể thực sự đi vào cuộc sống, thực sự trở thành một thành tố trong “*mục tiêu chung* của toàn dân tộc” là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công

(23) Xem: Hữu Ngọc. *Sđd.*, tr.673 - 675.

bằng, dân chủ, văn minh" thì có lẽ, ít nhất cũng nên có một văn bản chính thức của Đảng và Nhà nước ta xác định rõ nội hàm của khái niệm "văn minh" mà chúng ta dùng ở đây gồm những đặc trưng nào, những tiêu chí nào và mức độ của mỗi tiêu chí ấy ra sao? Đây là một việc làm cần thiết vì một lẽ rất giản đơn là, nếu mọi thành viên trong cộng đồng đều không có ai biết "văn minh" là gì thì cả cộng đồng cũng sẽ không biết phải làm thế nào để đạt được nó, để biến nó thành hiện thực.

Trong trường hợp chưa nên hoặc chưa thể thực hiện được yêu cầu nói trên vì còn có những khó khăn nhất định thì nên chăng tính tới khả năng thay thế thành tố *văn minh* trong "mục tiêu cuối cùng" bằng thành tố "tự do" - một trong những khát vọng cháy bỏng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của cả dân tộc ta trong suốt cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho toàn dân tộc.

Ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, trong thư gửi các bạn cùng hoạt động ở Pháp trong "Hội liên hiệp thuộc địa" và tờ báo "Người cùng khổ", Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã viết:

"Chúng ta phải làm gì?

Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc.

Điều đó tùy hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta.

Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập"(24) (chúng tôi nhấn mạnh - L.H.T.).

Gần 10 năm sau, dưới sự chủ trì trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, Đảng

đã thông qua "Chánh cương vắn tắt", "Sách lược vắn tắt của Đảng" và "Chương trình vắn tắt của Đảng", trong đó ghi rõ: "Về phương diện xã hội thì: Dân chúng được tự do tổ chức", Đảng phổ biến khẩu hiệu "Việt Nam tự do", còn trong "Lời kêu gọi", Nguyễn Ái Quốc đã kêu gọi mọi người bị áp bức bóc lột hãy gia nhập Đảng và đi theo Đảng để "đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân"(25).

Gần 10 năm sau nữa, vào năm 1941, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban chấp hành Trung ương Đảng, Mặt trận "Việt Nam độc lập đồng minh" (gọi tắt là Việt Minh) đã ra đời. Tháng 10/1941, Tổng bộ Việt Minh đã công bố *Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ* nói rõ tôn chỉ, mục đích của mình là liên hiệp tất cả các tầng lớp nhân dân đang cùng nhau đánh đuổi Nhật - Pháp, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập. Trong *Chương trình* của Việt Minh ngay từ khi ấy đã có ghi rõ, về chính trị: "Ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại trong nước, tự do xuất dương"(26).

Tại Quảng trường Ba Đình, ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* do Người khởi thảo tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập*, sau khi nhắc lại những "lời bất hủ trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ":

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong

(24) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.1, tr.192.

(25) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.3, tr.1-10.

(26) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.3, tr.583.

những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Và, trong bản “*Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791”:

“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”.

Hồ Chí Minh khẳng định: “*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được*”(27).

Chính vì những lẽ phải không ai chối cãi được đó mà nhân dân Việt Nam, cũng như nhân dân các nước khác, có quyền và phải được sống trong tự do. Chiều 16/1/1946, trả lời các nhà báo trong và ngoài nước về Liên bang Đông Dương, Hồ Chí Minh nói: “Nếu người ta muốn dùng chữ Liên bang Đông Dương để làm thành một cái gì giam trói, ràng buộc quyền tự do, quyền sinh hoạt của chúng tôi, nhất định không thể xong được. Bởi vì ai cũng muốn sống tự do”(28). Xuất phát từ tình thần ấy, ngày 19/9/1945, Hồ Chí Minh xác định: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một **mục đích duy nhất** (chúng tôi nhấn mạnh - L.H.T.) là **mưu tự do hạnh phúc** cho mọi người”(29). Ngày 17/10/1945, trong thư gửi Ủy ban nhân dân các Kỳ, Tỉnh, Huyện và Làng, Hồ Chí Minh viết: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng nghĩa lý gì”(30). Ngày 21/01/1946, trả lời các nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh đã bộc bạch tâm tư sâu kín của mình: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là *làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành* (chúng tôi nhấn mạnh - L.H.T.). Riêng phần tôi thì làm một cái

nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng rau, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi”(31). Với ham muốn tột bậc đó, khi thực dân Pháp nổ súng ở Sài Gòn ngày 23/9/1945 mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam một lần nữa, Hồ Chí Minh đã kiên cường tuyên bố: “Dân chúng Việt Nam quyết rỏ đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ cho sự tự do”(32). Ngày 21/12/1946, Hồ Chí Minh một lần nữa tuyên bố: “Dân tộc Việt Nam thà chết chứ không chịu mất độc lập và tự do”(33). Và sau này, không bao lâu trước lúc đi xa, khi đế quốc Mỹ điên cuồng leo thang ném bom miền Bắc, kể cả vùng đông dân ngoại ô Hà Nội và Hải Phòng, Hồ Chí Minh đã tuyên bố ngày 17/7/1966: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”(34)

Có thể nói “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*” là một trong những sợi chỉ đỏ xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh. Ở nhiều nơi, nhiều lúc, khi có dịp, Người đều bày tỏ lòng mong muốn “kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường,

(27) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 4, tr.1.

(28) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 4, tr.448.

(29) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 4, tr.22.

(30) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 4, tr.56.

(31) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 4, tr.161.

(31) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 4, tr.161.

(32) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 4, tr.98.

(33) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 4, tr.483.

(34) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 12, tr.108

một nước Việt Nam dân chủ mới”(35), “xây dựng một xã hội mới, một xã hội tự do, bình đẳng, một xã hội cần, kiệm, liêm, chính”(36). *Mục đích* của cách mạng Việt Nam là “xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, tự do, giàu mạnh. Làm cho nhân dân được hưởng hạnh phúc và xây dựng một xã hội sung sướng về vang”(37). “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lí. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người”(38). Tự do, theo Ph.Ăngghen, là năng lực hành động trên cơ sở nắm được cái tất yếu, còn theo một tác giả khác thì tự do là có thể làm bất cứ điều gì không hại đến người khác, không vi phạm quyền tự do của người khác. Mức độ phức tạp của các quan niệm trên đây về tự do có thể khác nhau, nhưng những cách giải thích ấy ít nhiều người dân có thể hiểu được, có thể tiếp nhận được. Trong khi đó, khái niệm *văn minh* quá đa nghĩa. Vì vậy, theo chúng tôi, ta nên nghĩ đến phương án thay thành tố “*văn minh*” bằng thành tố “*tự do*”. Việc thay này sẽ giúp người dân dễ hiểu hơn và do đó dễ làm hơn. Và, việc thay thế này thực ra không phải là một việc gì quá mới vì ngay từ năm 1946, giữa lúc ở trong nước thù trong không ít mà giặc ngoài cũng nhiều, đang câu kết với nhau gây cho ta rất nhiều khó khăn, có những khó khăn tưởng như không thể vượt qua được, nhưng Hồ Chí Minh đã đưa những quyền tự do ấy vào “*Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*” - văn bản pháp lý đầu tiên và quan trọng nhất của Nhà nước ta - lúc bấy giờ. Còn hiện nay, thế và lực của ta mạnh nhiều

gấp bội so với 64 năm trước.

Trong bản *Hiến pháp* đầu tiên ấy được Quốc hội biểu quyết thông qua ngày 9/11/1946 với $\frac{240}{242}$ phiếu tán thành, tại điều 10 đã ghi:

“- *Đảm bảo các quyền tự do dân chủ.*

- *Công dân Việt Nam có quyền: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và nước ngoài*”.

Trong “*Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (sửa đổi)” đã được bổ sung, sửa đổi theo Nghị quyết số 51/2001/QH11 ngày 25/12/2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10 ghi rõ:

- “Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, *tự do*, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân” (Điều 3).

- “Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội” (Trích điều 53).

- “Công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật” (Điều 54).

- “Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài

(35) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 6, tr.173.

(36) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 6, tr.494.

(37) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 7, tr.220.

(38) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 8, tr.216.

và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật” (Điều 68).

- “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật” (Điều 69).

- “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 70).

Như vậy, trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, ngay từ đầu những năm 20 của thế kỉ XX, khi đang ở Pháp, Hồ Chí Minh đã quyết định trở về nước, đi vào quần chúng, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh để giành *tự do* và *độc lập*. Gần 10 năm sau, sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi mọi người bị áp bức, bóc lột hãy gia nhập Đảng và đi theo Đảng để “đem lại mọi quyền *tự do* cho nhân dân”. Lại gần 10 năm sau nữa, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh, trong *Chương trình* của mình, Việt Minh đã ban bố các quyền *tự do dân chủ* cho nhân dân. Đến cuối năm 1946, nghĩa là chỉ hơn 1 năm sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, trong “*Hiến pháp*” đầu tiên do Quốc hội thông qua đã ghi rõ các *quyền tự do* mà công dân Việt Nam có quyền được hưởng. Các *quyền tự do* ấy đã được mở rộng hơn trong “*Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (sửa đổi)” được Quốc hội khóa X thông qua ngày 25/12/2001. Đặc biệt, khi đế quốc Mỹ điên cuồng leo thang ném bom miền Bắc hòng đè bẹp ý chí chiến đấu của nhân dân ta, Hồ Chí Minh đã tuyên bố một cách đanh thép: “Nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn *độc lập, tự do*”.

Vâng! “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*”! Đó là điều mà Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đã kiên cường chiến đấu suốt hàng trăm năm ròng để lật đổ ách thống trị của bọn thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giành lại *tự do*, *độc lập* cho nhân dân, làm cho giang sơn thu về một mối.

Từ những điều được trình bày trên đây, chúng tôi một lần nữa xin phép kiến nghị:

1. Nếu chúng ta vẫn tiếp tục giữ “*văn minh*” như *một thành tố* trong *mục tiêu chung* của toàn dân tộc thì Đảng và Nhà nước ta nên có một văn bản chính thức xác định rõ nội hàm của khái niệm “*văn minh*” mà chúng ta đang phấn đấu để thực hiện là gì, gồm những đặc trưng hay tiêu chí nào, mức độ mỗi tiêu chí ấy ra sao?

2. Còn trong trường hợp những điều trình bày trên đây có chút gì hợp lý thì nên chăng, chúng ta nên nghĩ đến phương án *thay thế thành tố “văn minh” bằng thành tố “tự do*”. Việc thay thế đó không những phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh và với mục tiêu mà Hồ Chí Minh cùng toàn Đảng, toàn dân tộc ta đã kiên trì đấu tranh để thực hiện trong suốt mấy thế kỷ qua, đồng thời còn phù hợp với khẳng định được C.Mác và Ph.Ăngghen nêu ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về chủ nghĩa cộng sản: “Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hiệp, trong đó *sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người*” (39) (chúng tôi nhấn mạnh - L.H.T.). □

(39) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.628.